

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH

SÀI GÒN – NINH CHỮ

(Sửa đổi lần 5)

Ninh Thuận, tháng 10/2011

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH SÀI GÒN - NINH CHỮ

1. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội khóa XI nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp lần thứ 8 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ - CP ngày 19/6/2002 và Nghị định số 187/2004/NĐ - CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần;

Chúng tôi, những cổ đông góp vốn cùng thảo luận bàn bạc, góp ý xây dựng và thông qua nội dung của bản Điều lệ (chỉnh sửa) này để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ.

Bản Điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ là cơ sở pháp lý được công ty thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức chính thức vào ngày tháng năm 2009 sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của công ty.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên Công ty và hình thức tổ chức.

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH SÀI GÒN – NINH CHỮ
Tên giao dịch : Sai gòn Ninh Chu ResortHotel Jointstock Company.
Tên gọi tắt : SANICO.
Tên thương mại :

- Tiếng Việt : Khu Du Lịch Sài Gòn Ninh Chữ
- Tiếng Anh : Saigon – Ninh Chu Resort Hotel

2. Hình thức tổ chức: Công Ty Cổ Phần Du Lịch Sài Gòn – Ninh Chữ được thành lập theo Luật Doanh nghiệp.

Điều 2 : Trụ sở và địa bàn hoạt động.

1. Trụ sở chính: Thị Trấn Khánh Hải – Huyện Ninh Hải – Tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: 068.3876.000
Fax: 068.3873.023
Email: ninhchuhotel@hcm.vnn.vn
Website: <http://www.saigonninhchuhotel.com.vn>

2. Địa bàn hoạt động:

Công ty được mở văn phòng đại diện, chi nhánh và địa điểm kinh doanh tại các tỉnh, thành phố trong nước và ngoài nước theo quy định của Pháp luật Việt Nam và nước sở tại.

Công ty hiện có Văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh sau:

Văn phòng đại diện : số 116D đường Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3: Tư cách pháp nhân.

Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ:

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Có con dấu riêng, độc lập về vốn, tài sản và có tài khoản mở tại các tổ chức tín dụng.
- Chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi vốn Điều lệ của Công ty.
- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán độc lập và tự chủ về tài chính.
- Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập quỹ theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4: Mục tiêu và chức năng kinh doanh.

1. Mục tiêu:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển kinh doanh dịch vụ lữ hành, nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ khác nhằm mục đích sinh lợi, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển cho công ty.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh du lịch, khách sạn.
- Dịch vụ lữ hành đưa đón khách thuê bao trọn gói.
- Các dịch vụ : Nhà hàng, Bar, Karaoke, Cafeteria, Vũ trường, các dịch vụ du lịch trên biển, vận tải hành khách ven biển ...
- Business center, Intershop, mua bán ký gởi, kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu ...

Công ty có thể mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi hoặc thay đổi lĩnh vực hoạt động kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông quyết định và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc kéo dài thêm thời gian hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

Điều 5: Thời hạn hoạt động.

Thời gian hoạt động của công ty là 50 năm, kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và quản trị điều hành.

- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng Cổ đông (viết tắt là ĐHĐCĐ).

- ĐHĐCĐ bầu Hội đồng quản trị (viết tắt là HĐQT) và Ban kiểm soát (viết tắt là BKS) để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh và quản trị, điều hành công ty.

- Quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của công ty là Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm, Giám đốc là đại diện pháp nhân của công ty.

Điều 7: Tổ chức chính trị và Tổ chức chính trị - xã hội trong công ty.

Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ.....trong công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 8 : Quyền của Công ty

1. Định đoạt, sử dụng, nâng cấp, cải tiến, mua, bán, thuê và cho thuê, chuyển nhượng, cho tặng, cầm cố, thế chấp tất cả các động sản và/hoặc bất động sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác thuộc sở hữu của Công ty.
2. Chủ động lựa chọn lĩnh vực và địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, góp vốn và mua cổ phần của doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trên địa bàn cả nước.
3. Tự do tìm kiếm thị trường và khách hàng, tự do ký kết hợp đồng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc nhận bảo lãnh, hoặc các nghĩa vụ khác.
4. Chủ động lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn, kể cả huy động vốn bằng cách phát hành cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
5. Tuyển dụng, thuê mướn và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
6. Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.
7. Chủ động thực hiện các công việc và hoạt động cần thiết khác mà luật không cấm nhằm đạt được mục tiêu của Công ty.
8. Lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định.
9. Các quyền khác của pháp nhân, thương nhân theo quy định của pháp luật.
10. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.
11. Được giám thuế thu nhập doanh nghiệp trong những năm liên tiếp, kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để tái đầu tư, củng cố, mở rộng kinh doanh không được dùng để chia cổ tức.
12. Được tiếp tục vay vốn tại Ngân hàng thương mại, Công ty tài chính và các tổ chức tín dụng khác của nhà nước theo cơ chế và lãi suất như đã áp dụng đối với DNNN.

13. Duy trì và phát triển quỹ phúc lợi dưới dạng hiện vật, các công trình văn hoá, câu lạc bộ, bệnh xá, nhà điều dưỡng để đảm bảo phúc lợi cho người lao động trong Công ty cổ phần. Những tài sản này thuộc sở hữu của tập thể người lao động do công ty cổ phần quản lý với sự tham gia của tổ chức công đoàn.
14. Kế thừa tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty cổ phần Khách Sạn Ninh Chữ.

Điều 9 : Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành, nghề đã đăng ký.
2. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ sách kế toán, hoá đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác.
3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm chất lượng hàng hoá và dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh, khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan đăng ký kinh doanh.
6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo pháp luật về công đoàn.
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, trong đó có nghĩa vụ của DNNN trước khi cổ phần hoá mà công ty cổ phần thừa kế phần quyền lợi.

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG

Mục 1

VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 10 : Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của công ty được góp bằng tiền Việt Nam; bằng các tài sản có giá khác và được thống nhất quy đổi theo giá trị thực tế bằng tiền Việt Nam tại thời điểm góp vốn, được hạch toán theo đơn vị Việt Nam đồng.

2. Vốn điều lệ của công ty đến ngày 06 tháng 10 năm 2008, được xác định là: 87.400.000.000 đồng (Bằng chữ:Tám mươi bảy tỷ bốn trăm triệu đồng) chia ra 874.000 cổ phần.

3. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu:

- Vốn thuộc sở hữu của cổ đông Nhà nước là: 663.000.000 đồng giữ 6.630 cổ phần chiếm 0.76 % vốn Điều lệ.

- Vốn sở hữu của cổ đông tổ chức là: 86.372.992.475 đồng giữ 679.729 cổ phần chiếm 98.82 % vốn Điều lệ.

- Vốn sở hữu các cổ đông thể nhân là: 364.007.525 đồng chiếm 0.42 % vốn Điều lệ

Vốn điều lệ của công ty do các cổ đông tự nguyện đóng góp, mỗi cổ đông hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguồn vốn góp của mình. Công ty không chịu bất cứ trách nhiệm nào về nguồn gốc vốn góp của các cổ đông.

4. Công ty chỉ có thể tăng, giảm vốn Điều lệ khi được ĐHĐCĐ quyết định thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho các hoạt động kinh doanh sau đây:

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc, trang thiết bị để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

- Đầu tư phát triển kỹ thuật công nghệ, nghiệp vụ.

- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh, liên kết.

- Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.

- Kinh doanh theo nội dung hoạt động của công ty.

Mục 2

CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

Điều 11: Cổ phần, cổ phiếu.

1. Vốn điều lệ của công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần.

2. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

3. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu số lượng cổ phần của công ty (nay được thay là giấy chứng nhận cổ đông) Giấy chứng nhận cổ đông là chứng chỉ do Công ty phát hành, giấy chứng nhận này có giá trị để xác nhận quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu đối với tổng số cổ phần trong Công ty, giấy chứng nhận cổ đông này phải có các nội dung chủ yếu sau :

- Tên, trụ sở Công ty.
- Số giấy chứng nhận cổ đông.
- Tên cổ đông, mã số cổ đông.
- Số CMND/Passport/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Địa chỉ cổ đông.
- Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
- Ngày tháng, tình hình tăng giảm số cổ phần sở hữu.

4. Vốn điều lệ của công ty được chia thành 874.000 cổ phần, mỗi cổ phần có giá 100.000 VNĐ. Các cổ phần cùng một loại có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

5. ĐHĐCĐ quyết định về việc phát hành thêm cổ phần. Việc phát hành thêm cổ phần thực hiện theo các nội dung quy định của Nhà nước về chứng khoán và phải ghi đầy đủ thông tin vào sổ đăng ký cổ đông.

6. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12: Hình thức cổ phiếu (giấy chứng nhận cổ đông).

1. Cổ phiếu của công ty được phát hành theo mẫu quy định thống nhất của Bộ tài chính nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Cổ phiếu của Công ty có nhiều mệnh giá, mệnh giá tối thiểu của một cổ phiếu bằng 100.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm ngàn đồng).
3. Mỗi cổ phiếu phải có chữ ký của chủ tịch HĐQT và đóng dấu công ty cổ phần mới có giá trị pháp lý.
4. Công ty có hai loại cổ phiếu như sau:
 - 4.1 Cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện.
 - a. Là cổ phiếu có ghi rõ tên, địa chỉ của cá nhân, pháp nhân, thể nhân sở hữu, ghi rõ số cổ phiếu, loại cổ phiếu và số tiền đóng góp.
 - b. Các đối tượng nắm giữ cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện bao gồm:
 - Cổ đông sáng lập trong ba năm đầu kể từ ngày được cấp giấy đăng ký kinh doanh, bao gồm cả cổ đông và Nhà nước.
 - *Danh sách cổ đông sáng lập được đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận.*
 - 4.2 Cổ phiếu được tự do chuyển nhượng:
 - Cổ phiếu phát hành cho các cổ đông không phải là các đối tượng được quy định các điểm a khoản 4.1 nêu trên.
 - Cổ phiếu phát hành thêm khi công ty cần tăng vốn Điều lệ.
5. Việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện theo các quy định tại điều 13 của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 13 : Chuyển nhượng cổ phần

1. Công ty không chịu trách nhiệm về việc cổ đông của Công ty dùng cổ phiếu của mình vào việc thế chấp, cầm cố hay bảo lãnh trong bất cứ trường hợp nào.
 - Cổ phần của cổ đông chiến lược chỉ được chuyển nhượng sau 3 năm kể từ khi mua.
 - Việc chuyển nhượng cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện phải được sự chấp thuận của HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, HĐQT xem xét xử lý việc chuyển nhượng, trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần HĐQT phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho các cổ đông.
 - Cổ đông là người lao động mua trả góp cổ phần của Công ty, chỉ được thực hiện các giao dịch nêu trên sau khi đã thanh toán hết toàn bộ số tiền mua cổ phần đó.
2. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần sau khi lập xong danh sách cổ đông và trước khi khai mạc ĐHĐ cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng sẽ tham dự ĐHĐ cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với cổ phần đã chuyển nhượng nói trên.
3. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, cổ đông được công ty cấp tờ cổ phiếu. Trong các trường hợp cổ phiếu bị mất cắp, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho công ty và có quyền yêu cầu công ty cấp lại cổ phiếu và trả chi phí do công ty quy định.

Điều 14 : Chào bán chứng khoán

1. HĐQT quyết định giá chào bán cổ phần, giá này không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán trừ những trường hợp ghi sau :
 - (i) Cổ phần chào bán đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh.
 - (ii) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty.
 - (iii) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc cho người bảo lãnh.Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá trị thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.
2. Phát hành chứng khoán ra công chúng : Khi thực hiện việc chào bán cổ phần và trái phiếu theo hình thức này, công ty sẽ tuân thủ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Phát hành chứng khoán theo các hình thức khác :
Việc chào bán cổ phần và trái phiếu theo các hình thức khác ngoài hình thức quy định tại khoản 1 điều 14 của điều lệ này, sẽ do công ty quyết định và được thực hiện theo thoả thuận giữa công ty và người mua trong khuôn khổ luật định.

Điều 15 : Thanh toán chứng khoán

1. Cổ phần và các loại chứng khoán khác của Công ty sẽ ghi bằng đồng VN và thanh toán bằng tiền VN, ngoại tệ tự do chuyển đổi, quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ hoặc tài sản khác do Hội đồng quản trị thoả thuận.
2. Cổ phần và các loại chứng khoán khác của Công ty phải được thanh toán đầy đủ một lần trừ trường hợp cho phép trả góp theo Nghị định 64.
3. Cổ phần được xem là đã bán hoặc đã được chuyển nhượng khi những thông tin quy định tại khoản 1 điều 24 của bản điều lệ này đã được ghi đúng và đủ vào sổ cổ đông. Kể từ thời điểm này, người đăng ký mua cổ phần hoặc người nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông mới của Công ty.

Điều 16 : Mua cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông bỏ phiếu không đồng ý với quyết định về chuyển đổi hình thức, chia, tách, sát nhập, hợp nhất Công ty hoặc sửa đổi điều lệ Công ty làm thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông thì có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình.
2. Trong thời gian 7 ngày kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết định về vấn đề nói trên, cổ đông nói tại khoản 1 của điều này phải gửi yêu cầu mua lại cổ phần bằng văn bản đến Công ty. Yêu cầu phải nêu rõ tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần, giá dự định bán và lý do yêu cầu Công ty mua lại.
3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông nói trên với giá do hai bên thoả thuận trong thời hạn 90 ngày, kể từ khi nhận được yêu cầu của cổ đông có liên quan. Trường hợp có bất đồng về giá, thì bất đồng có thể được giải quyết tại cơ quan trọng tài do hai bên cùng chọn, hoặc Tòa án kinh tế TP.HCM. Nếu hai bên không thống nhất được với nhau về việc chọn cơ quan trọng tài thì Tòa án kinh tế TP.HCM là cơ quan tài phán giải quyết bất đồng giữa hai bên.

Điều 17 : Mua cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại tối đa 30% tổng số cổ phần đã phát hành.

1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành phải có quyết định của HĐQT cổ đông. Việc mua lại từ 10% cổ phần trở xuống sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.
2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần và giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty.
3. Sau khi thỏa các khoản 1 và 2 nêu trên, cổ phần của từng cổ đông được mua lại tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải nêu rõ : tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần được mua lại, giá mua lại (hoặc công thức định giá mua lại), thủ tục và thời hạn thanh toán cổ phần được mua, thủ tục và thời hạn để cổ đông chấp nhận việc Công ty mua lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo.
4. Cổ phần mua lại có thể được thanh toán bằng tiền, bằng chứng khoán hoặc tài sản khác.

Điều 18 : Thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các điều 16 và 17 của điều lệ này, nếu Công ty bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại.
2. Trừ trường hợp tổng giá trị tài sản của Công ty trong sổ kế toán giảm hơn 10 % sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, Công ty phải thông báo điều này cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày thanh toán cổ phần mua lại.
3. Tất cả các cổ đông được mua lại theo quy định tại các điều 16 và 17 của điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.
4. Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 điều 18 của điều lệ này, thì các cổ đông liên quan phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Nếu cổ đông nào không thực hiện được việc hoàn trả hoặc mất khả năng hoàn trả nêu trên thì cổ đông đó và HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

Điều 19 : Cổ tức

1. Điều kiện chia cổ tức
Công ty chỉ được chia cổ tức cho cổ đông khi hội đủ các điều kiện ghi sau :
 - (i) Công ty khi doanh có lãi.
 - (ii) Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo luật định
 - (iii) Công ty vẫn đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ tài sản và thanh toán đủ các khoản nợ khác đến hạn phải trả.

2. Phương thức trả cổ tức :
 - (i) Mỗi lần chia cổ tức HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được chia đối với từng CP, thời hạn và hình thức chia cổ tức.
 - (ii) Danh sách các cổ đông có quyền nhận cổ tức được lập trên cơ sở sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách các cổ đông được quyền nhận cổ tức phải được lập xong chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện chia cổ tức.
 - (iii) Thông báo về chia cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện chia cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên và địa chỉ của cổ đông được chia cổ tức, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ đông và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.
 - (iv) Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm chia cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
3. Cổ tức được chia có thể bằng tiền, bằng tài sản có giá trị khác, kể cả chứng khoán của Công ty.
4. Thu hồi cổ tức được chia không hợp pháp.

Trường hợp chia cổ tức trái với quy định tại khoản 1 điều 19 của điều lệ này thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã được chia. Nếu cổ đông nào không thực hiện việc hoàn trả hoặc mất khả năng hoàn trả nêu trên thì cổ đông đó và các thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

Mục 2

CỔ ĐÔNG

Điều 20 : Cổ đông

Cổ đông của Công ty là những thể nhân hoặc pháp nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

Cổ đông sở hữu từ 1 tỉ đồng tổng số cổ phần của Công ty thì dự họp và biểu quyết tại ĐHĐ cổ đông ngoại trừ trong cuộc họp ĐHĐ cổ đông thành lập, tất cả cổ đông bất luận số lượng cổ phần sở hữu đều được dự họp và biểu quyết.

1. Cổ đông là pháp nhân phải xác lập bằng văn bản một cách hợp pháp khi cử hay thay đổi người đại diện cho mình tại Công ty.

Việc thay đổi người đại diện của pháp nhân ở cương vị các chức danh quản lý Công ty phải được HĐQT của Công ty thông qua.
2. Nhóm cổ đông.
 - a. Cổ đông của Công ty có thể tự thỏa thuận với nhau để họp nhóm nhằm mục đích thực hiện các quyền của cổ đông quy định tại điều 22 của điều lệ này.
 - b. Nhóm cổ đông có thể ủy quyền cho một cổ đông trong nhóm làm người đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của toàn nhóm khi tham gia dự họp và biểu quyết tại ĐHĐ cổ đông.
 - (i) Nhóm cổ đông sở hữu từ 1 tỉ đồng trong tổng vốn điều lệ của Công ty có các quyền được quy định tại khoản 3 điều 22 của điều lệ này.
 - (ii) Nhóm cổ đông sở hữu từ 1 tỉ đồng trong tổng vốn điều lệ của Công ty có

quyền ủy quyền cho một cổ đông trong nhóm đại diện cho quyền lợi của toàn nhóm đứng ra ứng cử vào thành viên HĐQT nếu hội đủ các điều kiện sau :

a) Đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo quy định tại điều lệ này.

b) Bản thân cổ đông đại diện phải sở hữu ít nhất là từ 1 tỉ đồng tổng số cổ phần của Công ty.

(iii) Nhóm cổ đông sở hữu từ từ 1 tỉ đồng tổng số cổ phần của Công ty được ủy quyền cho một cổ đông trong nhóm làm đại diện dự họp và biểu quyết tại ĐHĐ cổ đông. Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đại diện được tính theo tổng số cổ phần của toàn nhóm.

- c. Tất cả mọi thỏa thuận với nhau của các nhóm cổ đông đều phải lập thành văn bản ủy quyền. Sự thỏa thuận dưới các hình thức khác đều không được Công ty chấp nhận.
- b. Văn bản ủy quyền của các nhóm cổ đông phải xác định rõ các điểm :
- (i) Họ tên, địa chỉ, số lượng cổ phần của từng cổ đông chủ ủy.
 - (ii) Họ tên, địa chỉ, số lượng cổ phần của cổ đông đại diện.
 - (iii) Tổng số cổ phần của từng nhóm.
 - (iv) Nội dung, phạm vi và thời hạn của sự ủy quyền.
 - (v) Chữ ký của toàn nhóm.
3. Văn bản cử hoặc thay đổi người đại diện của cổ đông pháp nhân, văn bản ủy quyền của các nhóm cổ đông quy định tại điểm 2 khoản 2 điều 20 của điều lệ này, phải được gửi đến HĐQT mới có giá trị thực hiện.

Điều 21 : Người kế quyền luật định của cổ đông

1. Cổ đông thể nhân :
- (i) Trường hợp thể nhân qua đời hoặc do bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên bố là đã chết thì người thừa kế có thể trở thành cổ đông của Công ty nếu được HĐQT chấp thuận. Nếu HĐQT không chấp thuận người thừa kế hoặc người này không muốn trở thành cổ đông của Công ty thì Công ty sẽ mua lại cổ phần của thể nhân này.
 - (ii) Trường hợp thể nhân bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, thì quyền và nghĩa vụ thể nhân đó trong Công ty được thực hiện thông qua người giám hộ của đương sự nếu được HĐQT chấp thuận. Nếu HĐQT không chấp thuận người giám hộ thì Công ty sẽ mua lại cổ phần của thể nhân này.
 - (iii) Công ty phải nộp giá trị cổ phần của Công ty vào ngân sách Nhà nước trong trường hợp cổ đông là thể nhân qua đời, hoặc do bản án đã có hiệu lực pháp luật tuyên bố là đã chết hoặc đã mất tích mà không có người thừa kế, hoặc người thừa kế khước từ di sản hay bị truất quyền thừa kế.
2. Cổ đông pháp nhân :
- (i) Trong trường hợp pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản ..., Công ty sẽ mua lại cổ phần của pháp nhân này.
 - (ii) Trong trường hợp pháp nhân được tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức) thì pháp nhân kế thừa sẽ tiếp nhận quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của pháp nhân được tổ chức lại sau khi dẫn chứng việc kế

quyền của mình bằng văn bản pháp lý theo luật định và được HĐQT chấp nhận.

Điều 22 : Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có quyền :
 - (i) Tham dự và biểu quyết hoặc ủy quyền cho cổ đông khác thực hiện quyền lợi của mình theo quy định của điều lệ này tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐ cổ đông. Mỗi cổ đông có 1 phiếu biểu quyết.
 - (ii) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐ cổ đông.
 - (iii) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông trong Công ty.
 - (iv) Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với cổ phần của từng cổ đông trong công ty.
 - (v) Sở hữu cổ phần vĩnh viễn.
 - (vi) Cổ đông là người lao động mua trả góp cổ phần của Công ty được trả góp từ năm thứ tư và trả hết trong thời hạn tối đa là mười năm vẫn được hưởng cổ tức mà không phải chịu lãi suất.
 - (vii) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong trường hợp cổ đông biểu quyết không đồng ý quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại điều này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 1 tỉ đồng trở lên trong tổng vốn điều lệ của Công ty có quyền :
 - (i) Đề cử và ứng cử vào HĐQT theo các tiêu chuẩn của thành viên HĐQT quy định tại điều này.
 - (ii) Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐ cổ đông.

Điều 23 : Nghĩa vụ cổ đông

- (i) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- (ii) Tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- (iii) Chấp hành quyết định của ĐHĐ cổ đông, HĐQT.
- (iv) Phải hoàn trả cho Công ty :
 - a) Số tiền hoặc tài sản khác đã nhận được từ việc Công ty thanh toán các cổ phần được mua lại theo quy định tại các điều 16 và 17 của điều lệ này nhưng việc thanh toán này trái với quy định tại khoản 1 điều 18 của điều lệ này.
 - b) Số cổ tức được chia không hợp pháp theo quy định tại khoản 4 điều 19 của điều lệ này.
- (v) Cổ đông là người lao động mua trả góp cổ phần của Công ty phải thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần mua trả góp.
- (vi) Tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐ cổ đông theo các hình thức đã được quy định tại bản điều lệ này. Nếu không thực hiện nghĩa vụ này, cổ đông được xem như đã từ bỏ quyền lợi của mình và mọi sự khiếu nại sẽ không được chấp thuận.

Điều 24 : Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty sẽ lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh :
 - (i) Tên, trụ sở của Công ty.
 - (ii) Tổng số cổ phần được quyền chào, bán loại cổ phần được quyền chào bán và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - (iii) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - (iv) Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu giữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Công ty hoặc nơi khác, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết, cổ đông có quyền xem xét và nhận được báo sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

CHƯƠNG IV **CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY**

Điều 25 : Bộ máy quản lý và điều hành Công ty bao gồm :

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát.
4. Ban Giám đốc và các chức danh quản lý các cấp.

Mục 1 **Đại Hội Đồng Cổ Đông**

Điều 26 : Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, tùy theo tính chất của vấn đề. ĐHĐ cổ đông sẽ đưa ra các loại quyết định như sau :
 - (i) Quyết định thường là quyết định được từ 51% trở lên số phiếu của những cổ đông có mặt hay được ủy quyền tại cuộc họp ĐHĐ cổ đông chấp thuận.
 - (ii) Quyết định đặc biệt là quyết định được từ 65% trở lên số phiếu của những cổ đông có mặt hay được ủy quyền tại cuộc họp ĐHĐ cổ đông chấp thuận.
2. Quyền và nghĩa vụ ĐHĐ cổ đông.
 - a. Những vấn đề sau đây phải có quyết định đặc biệt của ĐHĐ cổ đông :
 - (i) Quyết định số vốn điều lệ và chia vốn thành các loại cổ phần khác nhau.
 - (ii) Điều tra và quyết định cách thức xử lý các vi phạm của HĐQT và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
 - (iii) Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.
 - (iv) Quyết định bổ sung và/hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều

Chỉnh vốn điều lệ do phát hành thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần Công ty được quyền phát hành.

b. Những vấn đề sau cần có quyết định thường của ĐHĐ cổ đông :

(i) Quyết định phương hướng phát triển trung và dài hạn của Công ty, bán 50% giá trị tài sản của Công ty trở lên, mua lại từ 10% trở lên tổng số bất kỳ cổ phần loại nào đã phát hành.

(ii) Bầu và bãi miễn thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

(iii) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

(iv) Tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền của ĐHĐ cổ đông.

c. Đại hội đồng cổ đông sẽ chỉ thông qua những quyết định phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty.

3. Hình thức thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định tại các phiên họp bằng cách bỏ phiếu kín, biểu quyết, hoặc bằng văn bản có chữ ký đồng ý của tất cả cổ đông.

Điều 27 : Thẩm quyền triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông được triệu tập :

1. Bất cứ khi nào theo quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc ít nhất mỗi năm họp 1 lần.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần hoặc của Ban kiểm soát trong các trường hợp sau đây :

(i) HĐQT hoặc các cán bộ quản lý khác vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 109 của Luật Doanh nghiệp và Điều 47 của Điều lệ này.

(ii) HĐQT hoặc các cán bộ quản lý khác ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

(iii) HĐQT hoặc các cán bộ quản lý khác có dấu hiệu sai phạm trong quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty có thể gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Người triệu tập Đại Hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền tham dự ít nhất 7 ngày trước khi họp. Tất cả các chi phí thực hiện triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn trả lại.

Điều 28 : Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

(i) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông. Danh sách này không được lập trước khi quyết định triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông, nhưng phải lập xong ít nhất 7 ngày trước khi họp Đại Hội đồng cổ đông.

(ii) Danh sách nói trên phải có họ, tên, địa chỉ thường trú (đối với cổ đông là cá nhân), tên, trụ sở (đối với cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức) và số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.

- (iii) Mỗi cổ đông đều có quyền được xem các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng cổ đông.
- (iv) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần có quyền yêu cầu được xem danh sách cổ đông có quyền dự họp.
- (v) Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch, hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách đó.

Điều 29 : Chương trình và nội dung họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 29.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm lập chương trình và quyết định nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 29.2 Tất cả các cổ đông đều có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được lập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 3 ngày trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Bản kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 29.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối đề nghị nói tại khoản 2, Điều này trong các trường hợp sau đây :
 - (i) Đề nghị không được đưa ra trong thời hạn đúng như quy định.
 - (ii) Văn bản đề nghị không có đủ thông tin như quy định.
 - (iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐ cổ đông.

Điều 30 : Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- (i) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày trước khi khai mạc.
- (ii) Giấy mời họp phải nêu rõ tên, địa chỉ, trụ sở chính của Công ty, thời gian và địa điểm họp ĐHĐ cổ đông, danh sách sơ bộ các vấn đề thảo luận và biểu quyết.
- (iii) Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.
- (iv) Tất cả các cổ đông sẽ được thông báo về những vấn đề bổ sung cần giải quyết do các cổ đông đề nghị theo Điều 29 của Điều lệ này trong thời gian sớm nhất có thể trước hoặc trong Đại hội.

Điều 31 : Ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 1. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp ĐHĐ cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông có thể thay thế người được ủy quyền bất cứ khi nào xét thấy cần thiết.
- 2. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần sau khi lập xong danh sách cổ đông, và trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với cổ phần đã chuyển nhượng nói trên

Điều 32 : Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đại hội đồng cổ đông được coi là có điều kiện để tiến hành họp khi có số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số cổ phần của Công ty tham dự.
2. Trường hợp triệu tập lần thứ nhất không đủ số cổ đông tham dự như quy định thì
Đại hội đồng cổ đông sẽ được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi dự định khai mạc cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất. Trong trường hợp này, Đại hội đồng cổ đông có đủ điều kiện tiến hành họp khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần của Công ty tham dự.
3. Trường hợp triệu tập lần thứ hai không đủ số cổ đông tham dự như quy định, thì Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ khi dự định khai mạc họp được triệu tập họp lần thứ hai. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ ba luôn được coi là đủ điều kiện để tiến hành họp không phụ thuộc vào số cổ đông tham dự.

Điều 33 : Thủ tục tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và các hình thức bỏ phiếu trong Đại hội được quy định như sau :
 - (i) Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ :
 - a) Kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông.
 - b) Lập danh sách cổ đông hiện diện có ghi số cổ phần sở hữu, số cổ phần đại diện.
 - (ii) Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền hợp lệ của Chủ tịch HĐQT là người chủ tọa Đại hội đồng cổ đông.
 - (iii) Chủ tọa thông qua Đại hội đồng cổ đông bầu thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu. Tiêu chuẩn Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - (iv) Đại hội đồng cổ đông phải có biên bản với chữ ký của chủ tọa, thư ký và trưởng Ban kiểm phiếu.
 - (v) Việc biểu quyết tại Đại hội được thực hiện theo hình thức : trực tiếp và bỏ phiếu kín.
2. Đại hội đồng cổ đông phải được tiến hành đúng theo trình tự được ghi trong chương trình của cuộc họp, không được thay đổi hoặc bổ sung gì trừ trường hợp quy định trong Điều 29 của Điều lệ này hoặc được sự nhất trí của tất cả những người có mặt tại cuộc họp và được quyền biểu quyết.

Điều 34 : Điều kiện thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Quyết định thường và quyết định đặc biệt của Đại hội đồng cổ đông được thông qua (theo Điều 26) khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có đủ điều kiện để tiến hành.

Điều 35 : Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản. Biên bản phải có ít nhất các nội dung sau đây :

- (i) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- (ii) Tổng số phiếu của các cổ đông tham dự và của từng loại cổ đông.

- (iii) Tổng số phiếu đối với từng vấn đề giải quyết.
- (iv) Chương trình làm việc.
- (v) Tên của Chủ tọa và thư ký.
- (vi) Tóm tắt các bài phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.
- (vii) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua.
- (viii) Chữ ký của chủ tọa và thư ký của phiên họp ghi rõ họ tên.

Điều 36 : Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng cách hỏi ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Trường hợp hỏi ý kiến thông qua thư tín hoặc Fax, thì quyết định thường hoặc quyết định đặc biệt của Đại hội đồng cổ đông được xem như được thông qua, được đa số cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội Đồng Quản trị phải làm các công việc sau đây :

1. Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung phiếu hỏi ý kiến.
2. Nội dung phiếu hỏi ý kiến ít nhất phải có tên, trụ sở của Công ty, mục đích hỏi ý kiến, vấn đề cần hỏi ý kiến và đầu đề các tài liệu tương ứng được gửi kèm, thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu hỏi ý kiến về Công ty, lựa chọn biểu quyết gồm “nhất trí”, “không nhất trí”, “không có ý kiến”.
3. Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng.
4. Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu hỏi ý kiến, thông qua kết quả hỏi ý kiến và các quyết định được thông qua HĐQT quy định tại Điều 26 của Điều lệ này đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 7 ngày kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông phải gửi ý kiến của họ về Công ty.

Điều 37 : Thông báo quyết định được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua

Quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua được thông báo đến cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc được đăng báo địa phương hoặc Trung ương trong thời hạn 15 ngày kể từ khi quyết định được thông qua.

Điều 38 : Quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trong thời hạn 3 tháng kể từ khi quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên HĐQT, Giám đốc và Kiểm soát viên có quyền đệ đơn yêu cầu tòa kinh tế tỉnh Ninh Thuận xem xét hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau

1. Trình tự và thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, hoặc đã thực hiện một cách không công bằng (có giải thích).
2. Nội dung của quyết định vi phạm Điều lệ này hoặc các quy định của pháp luật.

Mục 2

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 39 : Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của

Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây :

1. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền phát hành của từng loại.
3. Quyết định việc phát hành cổ phần mới trong phạm vi tổng số cổ phần từng loại được phép phát hành.
4. Quyết định huy động thêm vốn cho Công ty theo hình thức khác trong đó có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.
5. Quyết định về chính sách đầu tư.
6. Thông qua loại công nghệ cần sử dụng và nguồn nhập khẩu công nghệ.
7. Quyết định chính sách thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty.
8. Bổ nhiệm, bãi miễn Giám đốc và các cán bộ quản lý các cấp của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của cán bộ quản lý nói trên.
9. Quyết định cơ cấu tổ chức, nội quy, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định lập chi nhánh, văn phòng đại diện, Công ty con và việc góp vốn, mua cổ phần do các tổ chức khác phát hành.
10. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
11. Kiến nghị mức cổ tức, thời hạn và thủ tục thanh toán cổ tức hoặc phương pháp xử lý các khoản lỗ xảy ra trong quá trình kinh doanh của Công ty.
12. Quyết định giá cổ phần và chứng khoán khác của Công ty, định giá tài sản không phải bằng tiền mặt, vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi sử dụng để góp vốn cổ phần.
13. Lập chương trình, nội dung, soạn thảo tài liệu và thực hiện công việc khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
14. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã phát hành và quyết định giá mua lại cổ phần.
15. Kiến nghị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi và giải thể Công ty.
16. Thông qua văn bản ủy quyền của các nhóm cổ đông và văn bản cử hoặc thay đổi người đại diện của cổ đông pháp nhân đang nắm giữ các chức danh quản lý của Công ty và thông báo Đại hội đồng cổ đông.
17. Được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 40 : Hạn chế số lượng thành viên và nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị

1. HĐQT gồm từ 5 đến 9 thành viên, với nhiệm kỳ 5 năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn của thành viên HĐQT như sau :
 - (i) Phải sở hữu ít nhất từ 1 tỉ đồng trong tổng vốn điều lệ của Công ty hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu ít nhất từ 1 tỉ đồng trong tổng vốn điều lệ của Công ty.
 - (ii) Có năng lực quản lý doanh nghiệp và năng động trong hoạt động kinh doanh
 - (iii) Có kiến thức chuyên ngành.
 - (iv) Phải trung thực và liêm khiết.
 - (v) Có sức khỏe đảm bảo công việc.
 - (vi) Có năng lực hành vi dân sự và không bị pháp luật tước quyền công dân.
3. Thành viên HĐQT phải là cá nhân và bắt buộc phải là cổ đông của Công ty.
4. Mỗi thành viên HĐQT có 1 phiếu bầu trong cuộc họp HĐQT.

Điều 41 : Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng Quản trị sẽ bầu một trong các thành viên của mình làm Chủ tịch, Chủ tịch được bầu này không thể kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ như sau :

1. Lập kế hoạch làm việc cho HĐQT.
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu cho các phiên họp của HĐQT, triệu tập họp và chủ trì các phiên họp của HĐQT.
3. Thu xếp để HĐQT thông qua Nghị quyết bằng các hình thức khác.
4. Theo dõi thực hiện các Nghị quyết do HĐQT thông qua.
5. Chủ trì các phiên họp của Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tịch có thêm một phiếu bầu quyết định trong trường hợp số phiếu chống và phiếu thuận của HĐQT bằng nhau.

Khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được các quyền và nghĩa vụ của mình, Chủ tịch sẽ ủy quyền cho một thành viên khác của HĐQT thay mặt mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ này. Trong trường hợp không ủy quyền thì các thành viên khác sẽ bầu tạm thời một trong số các thành viên để tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 42 : Thông qua quyết định của Hội Đồng Quản Trị

1. Hội đồng quản trị có quyền thông qua quyết định bằng việc tiến hành họp, bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT, hoặc bằng hỏi ý kiến thông qua thư tín, fax hoặc điện thoại.
2. Chủ tịch HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT.
 - (i) Bất cứ khi nào xét thấy cần thiết, nhưng mỗi năm phải họp ít nhất một lần.
 - (ii) Theo đề nghị của Ban kiểm soát.
 - (iii) Khi có yêu cầu của hơn $\frac{1}{2}$ số thành viên HĐQT.Các thủ tục triệu tập và tiến hành họp HĐQT sẽ tuân theo quy chế hoạt động của HĐQT.
3.
 - a) Cuộc họp HĐQT có đủ điều kiện để tiến hành, nếu có hơn $\frac{1}{2}$ số thành viên tham dự.
 - b) Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp (có mặt hoặc ủy quyền) đồng ý.
4. Thể thức thông qua quyết định của HĐQT bằng cách hỏi ý kiến quy định trong

Điều lệ Công ty như sau : Fax, thư tín thì được coi như dự họp.

5. Một thành viên HĐQT có thể ủy quyền một thành viên HĐQT khác tham dự một phiên họp HĐQT và bầu cử thay mặt mình. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản và gửi cho Chủ tịch HĐQT trước phiên họp.

Điều 43 : Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị

- (i) Cuộc họp HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản.
 - (ii) Biên bản họp HĐQT phải nêu rõ ít nhất các nội dung sau đây :
 - a) Thời gian và địa điểm họp.
 - b) Họ tên thành viên tham dự (hoặc được ủy quyền).
 - c) Chương trình họp.
 - d) Các vấn đề thảo luận, tóm tắt các ý kiến phát biểu, biểu quyết, và kết quả biểu quyết.
 - đ) Các quyết định đã được HĐQT thông qua.
 - e) Chữ ký ghi rõ tên của chủ tọa phiên họp và thư ký hoặc toàn thể thành viên dự họp.
- Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT.

Điều 44 : Quyền được cung cấp thông tin của Hội Đồng Quản Trị

1. Thành viên của HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc và bất cứ người lao động nào khác trong Công ty cung cấp bất kỳ thông tin và tài liệu nào liên quan đến hoạt động của Công ty.
2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 45 : Miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau :
 - (i) Kết thúc nhiệm kỳ mà không được bầu lại.
 - (ii) Bị chết hoặc mất tích.
 - (iii) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - (iv) Từ chức.
2. Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm xuống dưới $\frac{1}{2}$ thì HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 2 tháng để bầu bổ sung HĐQT.

Mục 3 GIÁM ĐỐC

Điều 46 : Quản lý kinh doanh & Giám đốc Công ty

1. Công ty được đưa vào hệ thống quản lý kinh doanh của TCT Du Lịch Sài Gòn.
2. HĐQT sẽ bầu một trong số các thành viên của HĐQT hoặc thuê một người ngoài Công ty làm Giám đốc Công ty. Thành viên HĐQT có thể đồng thời giữ chức Giám đốc.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. TCT Du Lịch Sài Gòn được cử Giám đốc để HĐQT xem xét bổ nhiệm.

Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty và

chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giám đốc sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ này, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết giữa Giám đốc và Công ty.

3. Giám đốc sẽ có các quyền và nghĩa vụ sau :
 - (i) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Cty.
 - (ii) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết đã được HĐQT thông qua.
 - (iii) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty.
 - (iv) Kiến nghị với HĐQT phương án bố trí cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ Công ty.
 - (v) Đề nghị với HĐQT bổ nhiệm và bãi miễn các chức danh quản lý các cấp trong Công ty
 - (vi) Tuyển dụng lao động.
 - (vii) Quyết định mức lương và các phụ cấp khác (nếu có) cho nhân viên của Công ty.
 - (viii) Các quyền và nghĩa vụ khác theo Nghị quyết của HĐQT.

Điều 47 : Nghĩa vụ của cán bộ quản lý

Tất cả thành viên HĐQT, Giám đốc và các cán bộ quản lý các cấp của Công ty có nghĩa vụ :

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, khẩn trương với tinh thần trách nhiệm cao nhất vì lợi ích hợp pháp của Công ty.
2. Không được sử dụng địa vị và quyền hạn, tài sản hoặc tiền vốn của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được đem tài sản và tiền của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận, không được để quyền lợi riêng của mình mâu thuẫn với quyền lợi của Công ty.
3. Các cán bộ quản lý của Công ty và những người liên quan của họ không được tham gia tiến hành các công việc kinh doanh trực tiếp hoặc gián tiếp cạnh tranh với công việc kinh doanh của Công ty, trừ khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận.
4. Trong trường hợp thành viên HĐQT, Giám đốc và bất cứ cán bộ quản lý nào của Công ty vi phạm các nghĩa vụ quy định trong Điều này, thì phải bồi thường tương ứng mọi thiệt hại cho Công ty nếu có.

Điều 48 : Các giao dịch phải được HĐQT hoặc ĐHĐ cổ đông chấp thuận

Những giao dịch dưới đây phải được thông báo cho Công ty :

1. Tất cả các giao dịch của Công ty với cổ đông, thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty và người có liên quan của họ đều phải được thông báo cho Công ty biết và phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định dưới đây trước khi thực hiện.
2. Các giao dịch nói tại khoản 1 của điều này có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản tính theo giá ghi sổ của Công ty phải được HĐQT chấp thuận trước khi thực hiện.
3. Thành viên HĐQT là một bên giao dịch, hoặc có người có liên quan (cha, mẹ,

vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) là một bên giao dịch không có quyền biểu quyết về giao dịch đó.

4. Các giao dịch nói tại khoản 1 của điều này có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản tính theo giá ghi sổ của Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi thực hiện.
5. Cổ đông là một bên giao dịch, hoặc có người có liên quan (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) là một bên giao dịch không có quyền biểu quyết về giao dịch đó.
6. Trường hợp giao dịch nói tại khoản 1 của điều này được thực hiện mà chưa được HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông chấp thuận như quy định tương ứng tại khoản 2 và 3 của điều này, thì thành viên HĐQT hoặc cổ đông có liên quan của Công ty phải bồi thường cho Công ty thiệt hại xảy ra, hoặc hoàn trả lại cho Công ty các khoản lợi thu được từ thực hiện giao dịch đó.

Mục 4 **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 49 : Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra một Ban kiểm soát gồm 3 thành viên trong đó có ít nhất một thành viên là chuyên môn về kế toán, kiểm toán, hiểu biết pháp luật có thâm niên chuyên ngành không dưới 3 năm. Trưởng Ban kiểm soát bắt buộc phải là cổ đông của Công ty và sở hữu tối thiểu 3% vốn điều lệ. Ban kiểm soát cử 1 thành viên làm trưởng ban.

Ban kiểm soát có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây :

1. Kiểm tra tính trung thực và hợp pháp trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo kế toán.
2. Thẩm tra báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, thực hiện kiểm tra hoặc thanh tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý và điều hành hoạt động của Công ty vào bất cứ khi nào, nếu xét thấy cần thiết, hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần của Công ty.
Việc kiểm tra và thanh tra này không được cản trở hoạt động bình thường, và không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Cty.
3. Tiếp đón, trao đổi và làm việc với đoàn kiểm tra và thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
4. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về :
 - (i) Tính trung thực và chính xác của bảng cân đối tài sản, bảng quyết toán lỗ lãi và các báo cáo tài chính khác của Công ty.
 - (ii) Tính hợp pháp và trung thực trong ghi chép và lưu giữ chứng từ, sổ sách kế toán, trong lập trình và trình báo cáo hàng năm của Công ty.

Điều 50 : Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý các cấp của Công ty phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 51 : Các vấn đề liên quan đến Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có cùng nhiệm kỳ 3 năm và kết thúc sau nhiệm kỳ HĐQT 3 tháng
2. Thành viên Ban kiểm soát :
 - (i) Không là thành viên HĐQT, GD, PGD, KTT, thủ quỹ.
 - (ii) Không được là người có liên quan trực hệ (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) của thành viên HĐQT, GD, PGD, KTT và thủ quỹ Công ty theo định nghĩa của Luật doanh nghiệp.
3. Thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm, thay thế trong những trường hợp sau đây :
 - (i) Vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty.
 - (ii) Không đủ khả năng đảm nhận công việc.
 - (iii) Xin từ nhiệm nếu có lý do chính đáng.
4. Việc miễn nhiệm, thay thế thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

CHƯƠNG V **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN – PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 52 : Niên khoá quyết toán

1. Năm tài chính Công ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 Dương lịch và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 Dương lịch hàng năm.
2. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 53 : Kế toán, kiểm toán

1. Công ty phải chấp hành chế độ kế toán và thống kê theo pháp lệnh kế toán và thống kê, điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, các văn bản pháp quy hiện hành về kế toán, kiểm toán.
2. Công ty phải thực hiện công tác kế toán theo hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.
3. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty phải phản ánh trung thực tài sản có, tài sản nợ, doanh thu, chi phí, lãi lỗ của Công ty.
4. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về kiểm toán trước khi gửi đến các cơ quan Nhà nước và công khai.
5. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ tài liệu kế toán theo đúng chế độ bảo quản, lưu giữ hồ sơ tài liệu kế toán hiện hành. Tất cả các văn bản, chứng từ có liên quan đến tài chính phải được lưu tại Văn phòng Công ty trong 5 năm liền để các cổ đông xem xét khi cần thiết.

6. Cuối mỗi năm tài chính, HĐQT xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông :
- (i) Bảng cân đối kế toán.
 - (ii) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - (iii) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - (iv) Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - (v) Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ, các báo cáo này phải được gửi đến các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát trước ít nhất 15 ngày để xem xét.

Điều 54 : Phân chia lợi nhuận và lập quỹ

1. Điều kiện để chia lợi nhuận.
Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo luật định, và ngay sau khi chia lợi nhuận Công ty vẫn có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đã đáo hạn.
2. Thu hồi lợi nhuận đã chia.
Trường hợp chia lợi nhuận cho cổ đông trái với khoản 1 điều 54 của điều lệ này, thì tất cả các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về khoản nợ tương đương với lợi nhuận đã được chia tương ứng với phần vốn góp.
3. Việc phân chia lợi nhuận của Công ty được thực hiện như sau : sau khi đã sử dụng phần lợi nhuận để hoàn thành nghĩa vụ thuế, các nghĩa vụ tài chính khác và hạch toán mọi chi phí, Công ty được quyền phân chia số lợi nhuận ròng như sau :
 - (i) Trích 5% để lập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ Công ty.
 - (ii) Phần còn lại được phân chia như sau :
 - a) Lập quỹ đầu tư phát triển.
 - b) Lập quỹ khen thưởng và phúc lợi.
 - c) Chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với cổ phần của từng cổ đông. Cổ tức này được chi trả cho cổ đông 1 lần trong năm sau khi quyết toán năm tài chính của Công ty (trường hợp đặt biệt HĐQT có thể cho tạm ứng cổ tức và chịu trách nhiệm về quyết định này).
4. Cơ cấu hoạt động, quy mô, nguyên tắc sử dụng từng loại quỹ (a), (b) và (c) quy định tại điểm (ii), khoản 3 điều 54 của điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh theo từng niên khoá quyết toán và trên cơ sở tích lũy lợi nhuận phù hợp với pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI **CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG**

Điều 55 : Tuyển dụng

Việc tuyển dụng lao động và trả lương, thưởng được thực hiện theo hợp đồng lao động phù hợp với quy định của pháp luật về lao động.

Điều 56 : Chế độ và quyền lợi của người lao động đang làm việc tại Công ty

- 56.1 Khi doanh nghiệp được cổ phần hoá chuyển sang Công ty cổ phần, người lao động đang làm việc cho Công ty theo chế độ hợp đồng sẽ được Công ty ký lại hợp đồng lao động và tiếp tục thực hiện các chế độ BHXH, BHYT và các chế độ khác theo luật định.
- 56.2 Đối với người lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì được giải quyết theo chế độ hiện hành.
- 56.3 Thỏa ước lao động tập thể.
- Trên cơ sở thương lượng tập thể và tự nguyện, Giám đốc Công ty và đại diện lao động Công ty sẽ ký một thỏa ước lao động hàng năm gồm những nội dung chủ yếu : thời gian lao động và nghỉ ngơi, điều kiện làm việc, bảo hộ lao động, BHXH, BHYT, an toàn lao động, phúc lợi tập thể và giải quyết tranh chấp lao động ..., phù hợp với quy chế hiện hành của Luật lao động.

CHƯƠNG VII **TỔ CHỨC LẠI – GIẢI THỂ – PHÁ SẢN CÔNG TY**

Điều 57 : Chia Công ty

1. Công ty có thể được chia thành hai hoặc nhiều Công ty cổ phần khác. Tất cả cổ đông của Công ty bị chia đều là cổ đông của các Công ty mới được thành lập từ Công ty bị chia.
2. Thủ tục chia Công ty :
 - (i) Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua quyết định chia Công ty khi đạt được số phiếu đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp chấp thuận.
 - (ii) Quyết định chia Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây :
 - Tên, trụ sở Công ty hiện có,
 - Số lượng Công ty sẽ thành lập.
 - Nguyên tắc và thủ tục chia tài sản.
 - Phương án sử dụng lao động.
 - Thời hạn và thủ tục chuyển đổi phần vốn góp của Công ty bị chia sang các Công ty mới thành lập.
 - Nguyên tắc giải quyết các nghĩa vụ của Công ty bị chia.
 - Thời hạn thực hiện chia Công ty.
 - (iii) Quyết định chia Công ty phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua quyết định.
 - (iv) Đại hội đồng cổ đông của các Công ty mới được thành lập thông qua điều lệ, bầu Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, tiến hành đăng ký kinh doanh.
3. Sau khi đăng ký kinh doanh các Công ty mới, Công ty bị chia chấm dứt tồn tại. Các Công ty mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa

thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty bị chia trừ trường hợp các chủ nợ và các Công ty mới thành lập từ Công ty bị chia có thoả thuận khác.

Điều 58 : Tách Công ty

- 58.1 Công ty có thể được tách bằng cách chuyển một phần tài sản Công ty hiện có (gọi là Công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số Công ty cổ phần mới (gọi là Công ty được tách), chuyển một phần quyền và nghĩa vụ của Công ty bị tách sang Công ty được tách mà không chấm dứt tồn tại của Công ty bị tách. Tất cả cổ đông của Công ty bị tách đều là cổ đông của Công ty được tách.
- 58.2 Thủ tục tách Công ty :
- (i) Đại hội đồng cổ đông của Công ty bị tách thông qua quyết định tách Công ty khi được số phiếu đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp chấp thuận.
 - (ii) Quyết định tách Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây :
 - Tên, trụ sở Công ty bị tách.
 - Số lượng Công ty được tách sẽ thành lập.
 - Phương án sử dụng lao động.
 - Giá trị tài sản, các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ Công ty bị tách sang Công ty được tách.
 - Thời hạn thực hiện tách Công ty.
 - (iii) Quyết định tách Công ty phải gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua quyết định.
 - (iv) Đại hội đồng cổ đông của Công ty được tách thông qua điều lệ, bầu Chủ tịch HĐQT, Giám đốc và tiến hành đăng ký kinh doanh.
3. Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty được tách và Công ty bị tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty bị tách trừ trường hợp các chủ nợ, và các Công ty được tách và Công ty bị tách có thoả thuận trước.

Điều 59 : Hợp nhất Công ty

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, nếu xét thấy cần phải tập trung vốn ở quy mô lớn, hiện đại hoá trang thiết bị, hợp lý hoá dây chuyền sản xuất để tạo nên những sản phẩm mang tính cạnh tranh, Công ty có thể hợp lực với một hoặc các Công ty cùng loại bằng cách hợp nhất Công ty.

1. Công ty có thể cùng với một hoặc nhiều Công ty khác (gọi là Công ty bị hợp nhất) hợp nhất thành một Công ty mới (gọi là Công ty hợp nhất) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công ty hợp nhất, đồng thời chấm dứt tồn tại các Công ty bị hợp nhất.
2. Thủ tục hợp nhất Công ty :
 - (i) Chuẩn bị hợp đồng hợp nhất và dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất.
 - (ii) ĐHĐ cổ đông của Công ty bị hợp nhất :
 - Thông qua hợp đồng hợp nhất và dự thảo Điều lệ Công ty hợp nhất.
 - Bầu HĐQT, bổ nhiệm Giám đốc Công ty hợp nhất.

- Tiến hành đăng ký kinh doanh Công ty hợp nhất theo luật định.
- Gửi hợp đồng hợp nhất đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hợp đồng được thông qua.
3. Sau khi đăng ký kinh doanh, các Công ty bị hợp nhất chấm dứt tồn tại, Công ty

hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các Công ty bị hợp nhất.

Điều 60 : Sáp nhập Công ty

1. Công ty có thể trở thành Công ty bị sáp nhập hoặc Công ty nhận sáp nhập bằng cách :
 - (i) Chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công ty nhận sáp nhập và chấm dứt tồn tại trong trường hợp trở thành Công ty bị sáp nhập
 - (ii) Tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty bị sáp nhập trong trường hợp trở thành Công ty nhận sáp nhập.
2. Thủ tục sáp nhập Công ty :
 - (i) Chuẩn bị hợp đồng sáp nhập và dự thảo Điều lệ Công ty nhận sáp nhập.
 - (ii) ĐHĐ cổ đông của Công ty liên quan :

Thông qua hợp đồng sáp nhập và điều lệ Công ty nhận sáp nhập.

Tiến hành đăng ký kinh doanh Công ty nhận sáp nhập theo luật định.

Gửi hợp đồng sáp nhập đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua hợp đồng.
3. Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty bị sáp nhập.

Điều 61 : Giải thể Công ty

- Công ty được giải thể trong các trường hợp :
- (i) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn.
 - (ii) Theo quyết định của HĐQT.
 - (iii) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu (3 thành viên) theo luật định trong thời hạn 6 tháng liên tục.
 - (iv) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 62 : Thủ tục giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty được thực hiện theo quy định sau :

1. Thông qua quyết định giải thể Công ty theo luật định.
- Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây :
- (i) Tên, trụ sở Công ty.
 - (ii) Lý do giải thể.
 - (iii) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty. Thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 6 tháng, kể

- (vi) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty, quyết định này phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày Trung ương trong 3 số liên tiếp.
Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.
 3. Thanh lý tài sản và giải quyết các khoản nợ của Công ty.
 4. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày thanh toán hết nợ của Công ty, tổ thanh lý phải gửi hồ sơ về giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh.
Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ về giải thể Công ty, cơ quan đăng ký kinh doanh phải xoá tên Công ty trong sổ đăng ký kinh doanh.
 5. Trường hợp Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định tại điều này.

Điều 63 : Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 64 : Các tổ chức chính trị xã hội

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty được tổ chức và hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và các điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó. Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức này hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của mình, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 65 : Hiệu lực thi hành

- 65.1 Bản Điều lệ này được áp dụng cho Công ty Cổ Phần Du Lịch Sài Gòn – Ninh Chữ
- 65.2 Tất cả thành viên Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành bản Điều lệ này.
- 65.3 Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 66: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty

Trong quá trình hoạt động của Công ty, nếu có điều khoản nào trong điều lệ này không còn thích ứng với hoàn cảnh mới hoặc quy định mới của pháp luật thì HĐQT cổ đông có thể xem xét để sửa đổi, bổ sung.

Điều 67: Số lượng chương và điều

Bản điều lệ gồm 8 chương và 67 điều đã được Đại hội đồng cổ đông xem xét nhất trí từng chương, từng điều và cùng chấp nhận toàn văn (kèm biên bản). Bản điều lệ này được lập thành 12 bản có giá trị như nhau để nộp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thành viên HĐQT và lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Mọi sao chép, trích lục phải được ít nhất hai thành viên của HĐQT ký xác nhận hoặc được phòng công chứng chứng nhận bản sao.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua ngày tháng năm 2011.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



VƯƠNG ANH TUẤN

TÓM TẮT NỘI DUNG MỘT SỐ ĐIỀU LỆ MỚI SỬA ĐỔI SO VỚI ĐIỀU LỆ CŨ

A. TÓM TẮT NHỮNG ĐIỀU SỬA ĐỔI

CHƯƠNG III	
VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG	
<u>Điều lệ cũ</u>	<u>Điều lệ mới</u>
Mục 1: Vốn điều lệ * Điều 10 : Vốn điều lệ 2. Vốn điều lệ của công ty đến ngày 01 tháng 08 năm 2007, được xác định là: 69.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ đồng) chia ra 690.000 cổ phần. 3. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu: - Vốn thuộc sở hữu của cổ đông Nhà nước là: 663.000.000 đồng giữ 6.630 cổ phần chiếm 0.96 % vốn Điều lệ. - Vốn sở hữu của cổ đông tổ chức là: 67.972.992.475 đồng giữ 679.729 cổ phần chiếm 98.51 % vốn Điều lệ. Vốn sở hữu các cổ đông thể nhân là: 364.007.525 đồng chiếm 0.53 % vốn Điều lệ	Mục 1: Vốn điều lệ * Điều 10 : Vốn điều lệ 2. Vốn điều lệ của công ty đến ngày 06 tháng 10 năm 2008, được xác định là: 87.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi bảy tỷ bốn trăm triệu đồng) chia ra 874.000 cổ phần. 3. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu: - Vốn thuộc sở hữu của cổ đông Nhà nước là: 663.000.000 đồng giữ 6.630 cổ phần chiếm 0.76 % vốn Điều lệ. - Vốn sở hữu của cổ đông tổ chức là: 86.382.792.475 đồng giữ 863.828 cổ phần chiếm 98.83 % vốn Điều lệ. - Vốn sở hữu các cổ đông thể nhân là: 354.207.525 đồng chiếm 0.41 % vốn Điều lệ
Điều 11 : Cổ phần, cổ phiếu 4. Vốn điều lệ của công ty được chia thành 690.000 cổ phần, mỗi cổ phần có giá 100.000 VNĐ. Các cổ phần cùng một loại có giá trị ngang nhau về mọi mặt.	Mục 2 : Cổ phần, cổ phiếu Điều 11 : Cổ phần, cổ phiếu 4. Vốn điều lệ của công ty được chia thành 874.000 cổ phần, mỗi cổ phần có giá 100.000 VNĐ. Các cổ phần cùng một loại có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



VƯƠNG ANH TUẤN

DANH MỤC

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH SÀI GÒN - NINH CHỮ

CHƯƠNG I : ĐIỀU KHOẢN CHUNG (Từ trang 1 đến trang 3)

- Điều 1: Tên Công ty và hình thức tổ chức.
- Điều 2 : Trụ sở và địa bàn hoạt động.
- Điều 3: Tư cách pháp nhân.
- Điều 4: Mục tiêu và chức năng kinh doanh.
- Điều 5: Thời hạn hoạt động.
- Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và quản trị điều hành.
- Điều 7: Tổ chức chính trị và Tổ chức chính trị - xã hội trong công ty.

CHƯƠNG II : QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY (Từ trang 3 đến trang 4)

- Điều 8 : Quyền của Công ty
- Điều 9 : Nghĩa vụ của Công ty

CHƯƠNG III : VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG

(Từ trang 5 đến trang 13)

- Điều 10 : Vốn điều lệ
- Điều 11 : Cổ phần, cổ phiếu.
- Điều 12 : Hình thức cổ phiếu (giấy chứng nhận cổ đông).
- Điều 13 : Chuyển nhượng cổ phần
- Điều 14 : Chào bán chứng khoán
- Điều 15 : Thanh toán chứng khoán
- Điều 16 : Mua cổ phần theo yêu cầu của cổ đông
- Điều 17 : Mua cổ phần theo quyết định của Công ty
- Điều 18 : Thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại
- Điều 19 : Cổ tức
- Điều 20 : Cổ đông
- Điều 21 : Người kế quyền luật định của cổ đông
- Điều 22 : Quyền của cổ đông
- Điều 23 : Nghĩa vụ cổ đông
- Điều 23 : Sổ đăng ký cổ đông

CHƯƠNG IV : CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY (Từ trang 13 đến trang 23)

- Điều 25 : Bộ máy quản lý và điều hành Công ty bao gồm :

Mục 1 : Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Điều 26 : Đại Hội Đồng Cổ Đông
- Điều 27 : Thẩm quyền triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông
- Điều 28 : Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông
- Điều 29 : Chương trình và nội dung họp Đại Hội Đồng Cổ Đông
- Điều 30 : Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông
- Điều 31 : Ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông
- Điều 32 : Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông
- Điều 33 : Thủ tục tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông
- Điều 34 : Điều kiện thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông
- Điều 35 : Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông
- Điều 36 : Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng cách hỏi ý kiến cổ đông
- Điều 37 : Thông báo quyết định được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua
- Điều 38 : Quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Mục 2 : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Điều 39 : Hội Đồng Quản Trị
- Điều 40 : Hạn chế số lượng thành viên và nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị
- Điều 41 : Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- Điều 42 : Thông qua quyết định của Hội Đồng Quản Trị
- Điều 43 : Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị
- Điều 44 : Quyền được cung cấp thông tin của Hội Đồng Quản Trị
- Điều 45 : Miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị

Mục 3 : GIÁM ĐỐC

- Điều 46 : Quản lý kinh doanh & Giám đốc Công ty
- Điều 47 : Nghĩa vụ của cán bộ quản lý
- Điều 48 : Các giao dịch phải được HĐQT hoặc ĐHQĐ cổ đông chấp thuận

Mục 4 : BAN KIỂM SOÁT

- Điều 49 : Ban kiểm soát
- Điều 50 : Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát
- Điều 51 : Các vấn đề liên quan đến Ban kiểm soát

CHƯƠNG V : CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN – PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

(Từ trang 23 đến trang 24)

- Điều 52 : Niên khoá quyết toán
- Điều 53 : Kế toán, kiểm toán
- Điều 54 : Phân chia lợi nhuận và lập quỹ

CHƯƠNG VI : CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG (Từ trang 24 đến trang 25)

- Điều 55 : Tuyển dụng
- Điều 56 : Chế độ và quyền lợi của người lao động đang làm việc tại Công ty

CHƯƠNG VII : TỔ CHỨC LẠI – GIẢI THỂ – PHÁ SẢN CÔNG TY

(Từ trang 24 đến trang 27)

- Điều 57 : Chia Công ty
- Điều 58 : Tách Công ty
- Điều 59 : Hợp nhất Công ty
- Điều 60 : Sáp nhập Công ty
- Điều 61 : Giải thể Công ty
- Điều 62 : Thủ tục giải thể Công ty
- Điều 63 : Phá sản Công ty

CHƯƠNG VIII : ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

(Từ trang 27 đến trang 28)

- Điều 64 : Các tổ chức chính trị xã hội
- Điều 65 : Hiệu lực thi hành
- Điều 66 : Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty
- Điều 67 : Số lượng chương và điều